

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/DS-PT

Ngày: 09/5/2023

“V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Chơn E, sinh năm 1979.

Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng N6 – Chi nhánh Q, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3.3.Bà Ngô Thị N2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3.4.Ông Ngô Văn Á, sinh năm 1949

3.5.Ông Ngô Văn N3, sinh năm 1956

3.6.Ông Ngô Văn P, sinh năm 1965

3.7.Bà Ngô Thị M, sinh năm 1966

3.8.Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1967

3.9.Bà Ngô Thị G, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, Tp ..

3.10.Bà Ngô Thị Ú, sinh năm 1976

Địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Ông Ngô Văn Clà bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Phía nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện:**

N4trước đây, ông Trần Văn Slà chủ sử dụng hợp pháp và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00083 được UBND quận Ôcấp ngày 03/7/2003 gồm các thửa đất 116; 479; 480; tờ bản đồ số 07, diện tích 13.106m². Trong đó ông Scho mẹ ông Clà bà Trần Thị G1ở nhờ trên một phần đất tại thửa 116, tờ bản đồ số 07, diện tích cho ở nhờ 420,6m2 (tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C). Do bà G1là em ruột của ông S và bà G1có cam kết sẽ ở nhờ đến cuối đời. Tháng 01/2016 ông S tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất trên lại cho ông Trần Văn C1Em và bà Trần Thị Bích N5theo hồ sơ số 014118 đã được UBND quận Ôcấp nhật chính lý trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/01/2016. Bà G1đã qua đời từ lâu, gia đình ông Trần Văn S, Trần Văn C1Em và bà Trần Thị Bích N5đã nhiều lần yêu cầu ông Ngô Văn Ctrả lại quyền sử dụng đất cho gia đình tiếp tục sử dụng nhưng ông Cchưa trả. Hiện tại, ông Chiến đã xây cất nhà mới kiên cố ở gần đó và sinh sống ổn định, tài sản trong nhà cũng đã di dời sang nhà mới. Căn nhà tranh chấp hiện nay đang bỏ trống không có người ở nhưng ông Ckhông đồng ý giao trả đất cho ông Chơn Evà bà Bích N5.

Vào năm 2008, bà G1có đơn khởi kiện ông Trần Văn Stại Tòa án nhân dân quận Ô Môn đối với phần đất ông Scho bà G1ở nhờ. Trong quá trình giải quyết bà G1rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 44 ngày 04/6/2008, ông Svì tình nghĩa anh chị em nên vẫn tiếp tục cho bà G1ở nhờ theo lời hứa cho ở đến hết đời bà G1.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị N1 di dời căn nhà và vật kiến trúc trả lại phần đất diện tích 420,6m² (tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số: 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C), tại thửa 116, tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**Bị đơn trình bày nội dung và yêu cầu phản tố như sau:*

Mẹ bị đơn là bà Trần Thị G1 (chết năm 2010) có tất cả 09 người con gồm: Ngô Thị N2, Ngô Văn Á, Ngô Văn N3, Ngô Văn P, Ngô Thị M, Ngô Thị Đ, Ngô Thị G, Ngô Văn C, Ngô Thị Ú. Nguồn gốc thửa đất 116, 479 tờ bản đồ số 07 là của ông Trần Văn S (ông S là cậu ruột của ông) thừa hưởng của ông bà, ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mẹ ông đã cất nhà ở trên phần đất này trên 60 năm không ai tranh chấp và những người sống lâu năm nơi đây đều biết.

Nay, thửa đất này ông S cho con là Trần Văn Chon E và dâu là Nguyễn Thị Bích N trong đó có phần đất mà mẹ ông đang ở là không hợp lý bởi theo Luật đất đai thì mẹ ông ở nơi đây từ trước năm 1993.

Do đó, ông phản tố yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chon E và bà Bích N, đồng thời công nhận và ổn định cho ông phần diện tích đất đang ở là 420,6m² (loại CLN), đất tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Theo bản tự khai ngày 11/10/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N3, bà Ngô Thị G, bà Ngô Thị M cùng trình bày: Ông là anh của ông Ngô Văn C và cô cậu ruột với ông Trần Văn Chon E. Nguồn gốc đất là của bà Châu Thị T (là bà ngoại), sau đó bà để lại cho ông Trần Văn S đứng tên. Ông S có cho mẹ là bà Trần Thị G1 ở trên phần đất tranh chấp không rõ diện tích bao nhiêu. Ông Ngô Văn C ở trên phần đất tranh chấp chung với bà G1 từ trước đến nay. Tranh chấp giữa ông C với ông Chon E thì ông, bà không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có bổ sung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu buộc ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị N1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị G1 gồm: Ngô Thị N2, Ngô Văn Á, Ngô Văn N3, Ngô Văn P, Ngô Thị M, Ngô Thị Đ, Ngô Thị G, Ngô Thị Ú tháo dỡ, di dời căn nhà do bà G1 xây dựng và cây trồng trên thửa đất số 116, tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ để trả lại 420,6m² tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C cho ông Chon E và bà Bích N.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Yêu cầu được ổn định phần đất có diện tích 420,6m² theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C1Em và bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị N1, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn Á, ông Ngô Văn N3, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị G và bà Ngô Thị Ú tháo dỡ, di dời căn nhà do bà G1 xây dựng trên thửa đất số 116, tờ bản đồ số 07. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ để trả lại 420,6m² tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C.

Buộc ông Trần Văn Chơn E và bà Nguyễn Thị Bích N trả cho ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị N1, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn Á, ông Ngô Văn N3, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị G và bà Ngô Thị Ú giá trị cây trồng là 6.326.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Ông Chơn E, bà Bích N được quyền sử dụng 02 cây Mận loại A, 04 cây Cau loại A và 03 cây Gừa.

Buộc ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị N1, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn Á, ông Ngô Văn N3, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị G và bà Ngô Thị Ú di dời 02 cây M1 vàng và 04 cây bông T1 đi nơi khác.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Ngô Văn C về việc ổn định diện tích đất 420,6m² tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C)

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Văn C2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 011151 ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án quận Ô thành tiền án phí (công nhận ông C2 đã nộp xong).

Trả lại cho ông Trần Văn C1Em và bà Nguyễn Thị Bích N 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 010689 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Chi phí đo đạc, thẩm định và lệ phí trích đo địa chính: Buộc ông Ngô Văn C phải trả cho ông Trần Văn C1Em và Nguyễn Thị Bích N 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo, bị đơn là ông Ngô Văn C cho rằng bản án sơ thẩm đã không xem xét khách quan, toàn diện vụ án, gây thiệt hại quyền lợi của bị đơn,

đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đồng ý giao lại đất cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn phải trả lại 40% giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường. Nguyên đơn không đồng ý. Các bên không thương lượng được việc giải quyết tranh chấp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, nguyên đơn khai cho bà G1 ở nhờ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà G1 đã ở trên đất từ trước năm 1975 và là người trực tiếp sử dụng đất. Ông S không phải là người sử dụng thửa đất. Việc ông S tự kê khai để đứng tên quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ. Trong trường hợp này, bà G1 mới là người đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, bị đơn tự nguyện chỉ nhận 40% giá trị đất là sự tự định đoạt của bị đơn và có cơ sở chấp nhận. Do vậy, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Theo đơn khởi kiện, đơn phản tố và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2 Nguyên đơn khai rằng gia đình bị đơn ở nhờ trên đất của gia đình nguyên đơn. Bị đơn không thừa nhận việc ở nhờ mà cho rằng ở công khai trên 60 năm. Nguyên đơn không có tài liệu chứng minh việc đã cho bị đơn ở nhờ. Do đó, không có căn cứ để xác định quan hệ ở nhờ như nguyên đơn trình bày.

3 Theo thừa nhận của các bên thì bà G1 (mẹ bị đơn) đã ở trên đất từ lâu. Tại thời điểm ông S (cha của nguyên đơn) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì bà G1 đã ở trên đất. Bị đơn khai, bà G1 với ông S là anh em, bà G1 ở trên đất là do cha mẹ cho. Như vậy, người trực tiếp sử dụng phần đất từ trước đến sau này là bà G1. Ông S là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không phải là người trực tiếp sử dụng đất.

4 Theo lời khai của nguyên đơn thì bà G1 ở trên đất từ khi bà T còn sống và trước khi ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và các văn bản pháp luật trước đó thì người đang sử dụng đất hợp pháp được tiếp tục sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế, sau giải phóng, bà G1 là đang sử dụng người sử

dụng đất và sử dụng liên tục cho tới khi mất. Thời điểm đó, ông S không sử dụng đất thì lẽ ra người được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp phải là bà G1 mới phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng. Ông S không trực tiếp sử dụng thửa 116 mà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật.

5 Ngoài ra, hồ sơ thể hiện, ngày 04/11/1996, ông S làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Tại đơn này, ông S khai thửa 116 là đất cũ. Đơn này không được Hội đồng đăng ký đất đai xác nhận. Đến năm 2003, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy đỏ cho ông S trong khi có phần đất bà G1 đang trực tiếp sử dụng và không thông qua Hội đồng đăng ký đất đai xét duyệt là không đúng theo quy định điểm c mục 3 Phần I Chương 3 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6 Từ những nhận định trên, cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất thuộc về nguyên đơn là chưa phù hợp. Kháng cáo của bị đơn có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn chỉ yêu cầu nhận 40% giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là có căn cứ và có lợi cho nguyên đơn nên chấp nhận.

7 Về giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường, hồ sơ thể hiện, kết quả trưng cầu do nguyên đơn yêu cầu thì công ty Cổ phần T2 thể hiện giá 1.600.000 đồng/m². Kết quả trưng cầu của bị đơn yêu cầu thì Công ty TNHH Đ1 thể hiện giá 3.200.000 đồng/m². Hội đồng xét quyết định lấy giá trung bình của hai đơn vị định giá là 2.400.000 đồng/m². Số tiền yêu cầu của bị đơn sẽ là: 2.400.000 x 420,6 x 40% = 403.776.000 đồng.

8 Đối với số tiền nguyên đơn hoàn lại nêu trên, do tài sản nhà đất là của bà G1. Bà G1 đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất như nhận định nêu trên. Do bà G1 đã chết, giá trị hoàn lại này sẽ là di sản của bà G1 để lại. Để giải quyết dứt điểm vụ án này, Tòa án tạm giao số tiền trên cho bị đơn. Việc tranh chấp thừa kế nếu có sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

9 Về xử lý tài sản trên đất, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đồng ý giao luôn căn nhà cho nguyên đơn do không còn giá trị. Bị đơn chỉ di dời 02 cây M1 vàng và 04 cây bông T1. Các cây cối còn lại đồng ý với cách xử lý của án sơ thẩm. Yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

10 Hồ sơ còn thể hiện, hiện tại nguyên đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng, bao gồm thửa 116. Việc giải quyết vụ án như trên cũng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng thế chấp, thuận lợi cho các bên trong quan hệ pháp luật này.

11 Về án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí, có điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công nhận nguyên đơn được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 420,6m² tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 07, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vị trí A theo bản trích đo địa chính số 22/TTKTTNMT ngày 11/8/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C).

Nguyên đơn được sở hữu tài sản trên đất gồm: căn nhà, 02 cây Mận loại A, 04 cây Cau loại A, 03 cây G2 và có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn số tiền 6.326.000 đồng (Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Nguyên đơn có nghĩa vụ giao lại giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn là 403.776.000 đồng. Số tiền này là di sản thừa kế của bà G1 để lại, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Bị đơn có nghĩa vụ di dời 02 cây Mai vàng và 04 cây bông Trang đi nơi khác (Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 011151 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án quận Ô Môn.

Nguyên đơn phải nộp 20.151.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 010689 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, nguyên đơn còn phải nộp thêm 19.851.000 đồng.

4. Chi phí đo đạc, thẩm định và lệ phí trích đo địa chính: Buộc ông Ngô Văn C phải trả cho ông Trần Văn C1 Em và Nguyễn Thị Bích N 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003492 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chế Linh